TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST Ngày: 14 – 7 - 2020 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Văn Nhật, Cán bộ hưu trí xã Song Phượng

Bà Nguyễn Thị Sen Cán bộ hưu trí thị trấn Phùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Mạnh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 8, ngõ 19, đường Tây Sơn, cụm 7, xã Thọ An, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà 8, ngõ 19, đường Tây Sơn, cụm 7, xã Thọ An, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn anh Lê Mạnh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Như Q ngày 16/5/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ An, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình được ba năm thì gia đình cho vợ chồng ăn, ở riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng sống không hợp nhau, năm 2014 anh có quan hệ với chị Hoàng Thị H và có 01 con chung với chị Hương là cháu Hoàng Khải M sinh năm 2015, việc

anh có con riêng với chị Hương và đưa cháu Minh con riêng của anh và chị Hương về gia đình, chị Q có biết nhưng anh xin ly hôn chị Q không phải vì anh có con chung với chị Hương mà là do tính cách vợ chồng giữa anh và chị Q không hợp nhau, vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cương quyết xin được ly hôn chị Q.

Theo lời khai chị Nguyễn Thị Như Q trình bày: Đúng là chị kết hôn với anh Lê Mạnh T ngày 16/5/2008, anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ An, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh T, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ với chị Hương và có con riêng, tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, anh T xin ly hôn nhưng chị mong muốn vợ chồng được đoàn tụ vì chị vẫn còn tình cảm với anh T, gia đình hai bên đã hòa giải khuyên cho vợ chồng đoàn tụ, hơn nữa vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nên việc anh T xin ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị Q có 02 con chung là cháu Lê Văn K, sinh ngày 10/02/2009, cháu Lê Mạnh K1, sinh năm 13/7/2014. Hiện tại cả hai con đang sinh sống cùng anh T, chị Q. Vợ chồng ly hôn anh T và chị Q đều có nguyện vọng nuôi hai con.

Về tài sản, về công sức, về nợ: Anh T và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Như Q, xin được nuôi cháu K và cháu K1, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Chị Nguyễn Thị Như Q không đồng ý ly hôn anh T, xin được nuôi hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình bác yêu cầu xin được ly hôn của anh Lê Mạnh T đối với chị Nguyễn Thị Như Q. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Mạnh T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Như Q có địa chỉ tại xã Thọ An, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội là quan hệ tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Mạnh T với chị Nguyễn Thị Như Q trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã Thọ An, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nên được xác định là Hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra thì thấy rằng: Sau khi kết hôn anh T và chị Q chung sống cùng gia đình được ba năm thì gia đình cho ăn, ở riêng. Anh T cho rằng vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do tính cách vợ chồng sống không hợp nhau nên anh xin được ly hôn chị Q. Chị Q tha thiết được đoàn tụ mặc dù biết anh T có quan hệ và có con riêng với chị Hương nhưng vì còn tình cảm với anh T và còn trách nhiệm với các con nên chị mong muốn xin được đoàn tụ vợ chồng.

Qua xác minh thu thập chứng cứ tại Hội phụ nữ xã Thọ An, Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện Đan Phượng cũng như xác minh lấy lời khai của bà Trần Thị Thọ (mẹ anh T) đều có nguyện vọng mong muốn Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ và có thêm thời gian cho anh T và chị Q suy nghĩ vì anh T, chị Q còn có hai con chung. Chị Q khai anh T có quan hệ và có con riêng với chị Hương, anh T thừa nhận việc anh T có con riêng với chị Hương nên xét yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Q là chưa có căn cứ, yêu cầu xin được đoàn tụ của chị Q là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T xin ly hôn chị Q là chưa chính đáng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Q chưa đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân vẫn còn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T theo Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T nên Hội đồng xét xử không giải quyết về việc nuôi con và tài sản.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Mạnh T đối với chị Nguyễn Thị Như Quỳnh.

2. Về án phí: Anh Lê Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0014414 ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền Kng cáo: Anh T và chị Q có quyền Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- TAND Thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết